

TÒA ÁN NHÂN DÂN

TỈNH ĐẮK NÔNG

Bản án số: 06/2024/KDTM-PT

Ngày: 25/12/2024

“V/v tranh chấp hợp đồng xây dựng”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Ứng.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Hồng Chương và ông Dương Hà Ngân.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:** Bà Vương Thị Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2024/TLPT-KDTM, ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng xây dựng*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2024/KDTM-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 90/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 12 năm 2024. Giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** [Công ty cổ phần;](#)

Địa chỉ: [Thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông.](#)

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông [Phan Xuân T](#) – chức vụ: Giám đốc – có mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông [Nguyễn Hồng N](#) – có mặt.

Địa chỉ: [Số A đường N, buôn E, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.](#)

**Bị đơn:** [Công ty TNHH một thành viên K;](#)

Địa chỉ trụ sở: [Số D Đ, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.](#)

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông [Nguyễn Thừa A](#) – chức vụ: Giám đốc – vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Ông [Trần Văn C](#) – chức vụ: Phó giám đốc – có mặt.

Địa chỉ: [Tổ dân phố C, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.](#)

Do có kháng cáo của [Công ty TNHH một thành viên K](#) là bị đơn.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

### 1. Nguyên đơn Công ty cổ phần trình bày:

Ngày 18/11/2014, [Công ty cổ phần](#) có ký kết hợp đồng thi công xây dựng công trình số 38/2014/TCXD, với chủ đầu tư (bên giao thầu) là [Công ty TNHH MTV K](#), để thi công gói thầu số 04: Xây dựng công trình - kiên cố hệ thống kênh nhánh hệ thống trạm bơm [Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông](#), tổng giá trị của hợp đồng là 2.497.803.000 đồng. Thời gian thực hiện hợp đồng từ ngày 18/11/2014 đến ngày 08/6/2015. Công ty cổ phần Đông Bắc đã thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng số 38/2014/TCXD, được nghiệm thu có xác nhận của [Công ty TNHH MTV K](#), với tổng giá trị nghiệm thu là 2.497.803.000 đồng, cụ thể:

- + Giá trị đã thanh toán, tạm ứng là: 1.630.000.000 đồng.
- + Giá trị nghiệm thu giảm trừ do thanh tra: 86.183.000 đồng.
- + Giá trị còn lại chưa thanh toán là: 781.620.000 đồng.
- + Giá trị còn phải thực hiện là: 0 đồng. [Công ty TNHH MTV K](#) đã thanh toán nhiều lần, tổng cộng là 1.630.000.000 đồng, còn nợ lại Công ty cổ phần Đông Bắc số tiền là **781.620.000** đồng.

Do vậy Công ty cổ phần Đông Bắc khởi kiện yêu cầu [Công ty TNHH MTV K](#) thanh toán số tiền còn nợ và lãi suất chậm trả.

### 1. Bị đơn Công ty TNHH MTV K trình bày:

Phía công ty thừa nhận có ký kết hợp đồng với nguyên đơn, đồng thời thừa nhận chưa thanh toán số tiền 781.620.000 đồng. Tuy nhiên [Công ty TNHH MTV K](#) cho rằng việc chậm thanh toán không phải là lỗi của công ty. Bởi lẽ, *đối với các nội dung của Công ty Cổ phần đề nghị Công ty thanh toán số tiền còn nợ theo hồ sơ đã nghiệm thu: 781.620.000 đồng:*

Theo Khoản 8.3 Điều 8 hợp đồng thi công xây dựng số 38/2014/TCXD quy định: "Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu theo khối lượng xây lắp hoàn thành được nghiệm thu và kế hoạch vốn được bố trí theo dự án"

Đến thời điểm hiện tại, tổng nguồn vốn được bố trí cho dự án là: 1.630.000.000 đồng, Công ty đã thanh toán toàn bộ 100% số vốn được bố trí cho nhà thầu. Việc thanh toán cho nhà thầu đã được Công ty thực hiện đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng tại khoản 8.3 Điều 8.

Phần kinh phí còn lại thực hiện theo Nghị quyết số 10/2012/NQ-HĐND ngày 31/5/2012 của Hội đồng nhân dân: "- Nguồn vốn huy động: Bằng ngày công lao động, bằng tiền, bằng tài sản khác của nhân dân và nguồn vốn huy động hợp pháp khác (không kể nguồn vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước). Việc huy động đóng góp tự nguyện đảm bảo theo đúng quy định tại Nghị định số 24/1999/NĐ-CP ngày 16/4/1999 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức huy động, quản lý và sử dụng các khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân để xây dựng cơ sở hạ tầng của các xã, thị trấn và Chỉ thị số 24/2007/CT-TTg ngày 01/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chấn chỉnh việc

thực hiện các quy định của pháp luật về phí, lệ phí, chính sách huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân.

Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, Công ty đã phối hợp [UBND huyện K](#), [UBND xã N'](#)Đir huy động vốn đối ứng do nhân dân đóng góp. Đồng thời sau khi dự án được nghiệm thu hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, Công ty cũng đã có rất nhiều văn bản gửi [UBND huyện K](#), [UBND xã N](#), tuy nhiên dự án trên thuộc khu vực khó khăn, theo văn bản trả lời của [UBND xã N'](#)Đir đến thời điểm hiện tại việc triển khai huy động vốn góp từ người dân hưởng lợi có tuyến kênh nhánh công trình hệ thống trạm bơm [Đ](#) đi qua là hết sức khó khăn và không thể thực hiện được.

Theo nội dung cuộc họp ngày 30/10/2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có ý kiến tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh đề xin chủ trương tháo gỡ khó khăn vướng mắc nhưng không được UBND tỉnh đồng ý và UBND tỉnh đã có chỉ đạo: *đối với nguồn vốn do nhân dân đóng góp yêu cầu các đơn vị tiếp tục vận động nhân dân đóng góp để quyết toán công trình.*

Do đó đến thời điểm hiện tại dự án chưa được phê duyệt quyết toán hoàn thành, Công ty vẫn chưa được bố trí bổ sung phần vốn còn thiếu cho dự án để thanh toán công nợ cho nhà thầu đồng thời không được sử dụng nguồn thu của đơn vị để thanh toán công nợ.

Công ty cho rằng việc [Công ty Cổ phần](#) yêu cầu trả lãi chậm thanh toán là không có cơ sở vì Công ty đã thực hiện thanh toán cho nhà thầu theo kế hoạch vốn được bố trí của dự án, chỉ còn lại nợ lai số tiền vốn theo huy động nguồn vốn của nhân dân.

*Tại bản án số: 03/2024/KDTM-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 351, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 11 của Luật thương mại; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/11/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 1 Điều 4 Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/05/2010 của Chính phủ và Luật xây dựng năm 2003; Điều 43 Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội*

*Tuyên xir:*

*1. Chấp nhận một yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Đông Bắc*

*Buộc Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đắc Nông phải trả cho [Công ty cổ phần](#) tổng số tiền 984.677.000 đồng (chín trăm tám mươi tư triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 781.620.000 đồng (bảy trăm tám mươi một triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng) và tiền lãi chậm thanh toán 203.057.000 đồng (hai trăm linh ba triệu không trăm năm mươi bảy nghìn đồng)*

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu trả tiền chậm lãi thanh toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2022.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/10/2024 [Công ty TNHH MTV K](#) kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng không chấp nhận yêu cầu về phần lãi chậm trả tương ứng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể: [Công ty TNHH MTV K](#) chấp nhận trả cho [Công ty Cổ phần](#) tổng cộng 881.620.000 đồng, gồm 781.620.000 đồng tiền nợ gốc và 100.000.000 đồng tiền lãi chậm thanh toán, đồng thời chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Xét thấy sự thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa về khoản tiền phải trả là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm số 03/2024/KDTM-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án dân [thành phố G](#), công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của [Công ty TNHH MTV K](#) nộp trong thời hạn luật định, tuy nhiên theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ thông báo cho người kháng cáo nộp số tiền 300.000 đồng là không đúng quy định. Vấn đề này nêu ra để Tòa án sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[2]. Xét nội dung giải quyết và yêu cầu kháng cáo: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành hòa giải, kết quả các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, theo đó [Công ty TNHH một thành viên K](#) chấp nhận trả cho [Công ty cổ phần](#) tổng số tiền 881.620.000, gồm 781.620.000 đồng tiền nợ và 100.000.000 đồng tiền lãi, đồng thời chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên căn cứ Điều 300 và Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nêu trên.

[3]. Về án phí:

- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: [Công ty TNHH một thành viên K](#) phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên người kháng cáo ([Công ty TNHH một thành viên K](#)) phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 300, Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2024/KDTM-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án dân [thành phố G, tỉnh Đắk Nông](#), công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

[Công ty TNHH MTV K](#) chấp nhận trả cho [Công ty Cổ phần](#) tổng số tiền là 881.620.000 đồng (*tám trăm tám mươi một triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng*), gồm: 781.620.000 đồng (*bảy trăm tám mươi một triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng*) tiền nợ gốc và 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*) tiền lãi chậm thanh toán.

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.*

2. Về án phí:

2.1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- [Công ty TNHH MTV K](#) phải chịu 38.448.000 đồng (*ba mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn đồng*) án phí sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Công ty cổ phần Đông Bắc 30.715.000 đồng (*ba mươi triệu bảy trăm mười lăm nghìn đồng*) số tiền tạm ứng án phí ông [Phạm Văn B](#) đã nộp theo biên lai số 0007152 ngày 20/6/2024 tại Chi cục thi hành án thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

2.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

[Công ty TNHH MTV K](#) phải chịu 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002260 ngày 18/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông. [Công ty TNHH MTV K](#) còn phải nộp 1.700.000 đồng (*một triệu bảy trăm nghìn đồng*).

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi*

*hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.**

**Nơi nhân:**

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND thành phố Gia Nghĩa;
- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thành phố Gia Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu: TDS, THCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên, đóng dấu)

**Nguyễn Anh Ứng**

